



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

I

tôi

you
singular

bạn

he

anh ấy

she

cô ấy

it

nó

we

chúng tôi / chúng ta

you
plural

các bạn

they

họ

what

cái gì

who

ai

where

ở đâu

why

tại sao

how

làm sao

which

cái nào

when

lúc nào

then

sau đó

if

nếu

really

thật sự

but

nhưng

because

bởi vì

not

không

this

này

that

đó

all

tất cả

or

hoặc

and

và

here

đây

there

đó

left

trái

right

phải

now

bây giờ

afternoon

buổi chiều

morning
9:00-11:00

buổi sáng

night

ban đêm

morning
6:00-9:00

buổi sáng

evening

buổi tối

noon

midnight

hour

buổi trưa

nửa đêm

giờ

minute

second
time

day

phút

giây

ngày

week

month

year

tuần

tháng

năm

yesterday

today

tomorrow

hôm qua

hôm nay

ngày mai

Monday

thứ hai

Tuesday

thứ ba

Wednesday

thứ tư

Thursday

thứ năm

Friday

thứ sáu

Saturday

thứ bảy

Sunday

chủ nhật

woman

đàn bà

man

đàn ông

love

tình yêu

boyfriend

bạn trai

girlfriend

bạn gái

friend

bạn

kiss

hôn

sex

tình dục

child

trẻ em

girl

con gái

boy

con trai

mum

mẹ

dad

ba

mother

má

father

cha

parents

cha mẹ

son

con trai

daughter

con gái

little sister

em gái

little brother

em trai

big sister

chị gái

big brother

anh trai

husband

chồng

wife

vợ

every

mỗi / mọi

always

luôn luôn

actually

thực ra

again

lần nữa

already

đã

less

ít hơn

most

phần lớn

more

nhiều hơn

none

không có

very

rất

outside

ở ngoài

inside

ở trong

far

xa

close

gần

below

bên dưới

above

bên trên

beside

bên cạnh

front

phía trước

back
position

phía sau

everybody

mọi người

together

cùng nhau

other

khác

spring

mùa xuân

summer

mùa hè

autumn

mùa thu

winter

mùa đông

January

tháng một

February

tháng hai

March

tháng ba

April

tháng tư

May

tháng năm

June

tháng sáu

July

tháng bảy

August

tháng tám

September

tháng chín

October

tháng mười

November

tháng mười một

December

tháng mười hai

north

bắc

east

đông

south

nam

west

tây

often

thường xuyên

immediately

ngay lập tức

suddenly

đột ngột

although

mặc dù

Số

zero

0

one

1

two

2

three

3

four

4

five

5

six

6

seven

7

eight

8

nine

9

ten

10

eleven

11

twelve

12

thirteen

13

fourteen

14

fifteen

15

sixteen

16

seventeen

17

eighteen

18

nineteen

19

twenty

20

twenty one

21

twenty two

22

twenty six

26

thirty

30

thirty one

31

thirty three

33

thirty seven

37

forty

40

forty one

41

forty four

44

forty eight

48

fifty

50

fifty one

51

fifty five

55

fifty nine

59

sixty

60

sixty one

61

sixty two

62

sixty six

66

seventy

70

seventy one

71

seventy three

73

seventy seven

77

eighty

80

eighty one

81

eighty four

84

eighty eight

88

ninety

90

ninety one

91

ninety five

95

ninety nine

99

one hundred

100

one hundred and one

101

one hundred and five

105

one hundred and ten

110

one hundred and fifty one

151

two hundred

200

two hundred and two

202

two hundred and six

206

two hundred and twenty

220

two hundred and sixty two

262

three hundred

300

three hundred and three

303

three hundred and seven

307

three hundred and thirty

330

three hundred and seventy
three

373

four hundred

400

four hundred and four

404

four hundred and eight

408

four hundred and forty

440

four hundred and eighty four

484

five hundred

500

five hundred and five

505

five hundred and nine

509

five hundred and fifty

550

five hundred and ninety five

595

six hundred

600

six hundred and one

601

six hundred and six

606

six hundred and sixteen

616

six hundred and sixty

660

seven hundred

700

seven hundred and two

702

seven hundred and seven

707

seven hundred and twenty
seven

727

seven hundred and seventy

770

eight hundred

800

eight hundred and three

803

eight hundred and eight

808

eight hundred and thirty
eight

838

eight hundred and eighty

880

nine hundred

900

nine hundred and four

904

nine hundred and nine

909

nine hundred and forty nine

949

nine hundred and ninety

990

one thousand

1000

one thousand and one

1001

one thousand and twelve

1012

one thousand two hundred
and thirty four

1234

two thousand

2000

two thousand and two

2002

two thousand and twenty
three

2023

two thousand three hundred
and forty five

2345

three thousand

3000

three thousand and three

3003

four thousand

4000

four thousand and forty five

4045

five thousand

5000

five thousand six hundred
seventy eight

5678

six thousand

6000

seven thousand

7000

seven thousand eight
hundred and ninety

7890

eight thousand

8000

eight thousand nine hundred
and one

8901

nine thousand

9000

nine thousand and ninety

9090

ten thousand

10.000

ten thousand and one

10.001

twenty thousand and twenty

20.020

thirty thousand three
hundred

30.300

forty four thousand

44.000

one hundred thousand

100.000

five hundred thousand

500.000

one million

1.000.000

six million

6.000.000

ten million

10.000.000

seventy million

70.000.000

one hundred million

100.000.000

eight hundred million

800.000.000

one billion

1.000.000.000

nine billion

9.000.000.000

ten billion

10.000.000.000

twenty billion

20.000.000.000

one hundred billion

100.000.000.000

three hundred billion

300.000.000.000

one trillion

1.000.000.000.000

Động từ

to know

biết

to think

nghĩ

to come

đến

to put

đặt

to take

lấy

to find

tìm

to listen

nghe

to work

làm việc

to talk

nói chuyện

to give
somebody something

cho

to like

thích

to help

giúp đỡ

to love

yêu

to call

gọi

to wait

chờ đợi

to stand

đứng

to sit

ngồi

to close

đóng

to open
e.g. a door

mở

to lose

thua

to win

thắng

to die

chết

to live

sống

to turn on

bật

to turn off

tắt

to kill

giết

to injure

làm bị thương

to touch

chạm

to watch

xem

to drink

uống

to eat

ăn

to walk

đi bộ

to meet

gặp

to bet

đặt cược

to kiss

hôn

to follow

đi theo

to marry

cưới

to answer

trả lời

to ask

hỏi

to pull
... open

kéo

to push
... open

đẩy

to press
a button

ấn

to hit

đánh

to catch

bắt

to fight

chiến đấu

to throw

ném

to run

chạy

to read

đọc

to write

viết

to fix

sửa chữa

to count

đếm

to cut

cắt

to sell

bán

to buy

mua

to pay

trả

to study

học

to dream

mơ

to sleep

ngủ

to play

chơi

to celebrate

ăn mừng

to enjoy

thưởng thức

to clean

dọn dẹp

to shoot

bắn

to defend

bảo vệ

to attack

tấn công

to steal

trộm

to burn

đốt

to rescue

cứu

to fly

bay

to spit

khạc nhổ

to kick

đá

to bite

cắn

to breathe

thở

to smell

ngửi

to cry

khóc

to sing

hát

to smile

cười mỉm

to laugh

cười

to grow

lớn lên

to shrink

co lại

to argue

tranh luận

to share

chia sẻ

to feed

cho ăn

to hide

trốn

to warn

cảnh báo

to swim

bơi

to jump

nhảy

to lift

nâng

to dig

đào

to deliver

giao hàng

to look for

tìm kiếm

to practice

luyện tập

to travel

đi du lịch

to paint

vẽ

to open
unlock

mở

to lock

khóa

to wash

rửa

to pray

cầu nguyện

to cook

nấu ăn

to vomit

nôn

to shout

la hét

to quote

trích dẫn

to print

in

to calculate

tính toán

to earn

kiếm tiền

Tính từ

new

mới

old
not new

cũ

few

ít

many

nhiều

wrong

sai

correct

chính xác

bad

xấu

good

tốt

happy

hạnh phúc

short
length

ngắn

long

dài

small

nhỏ

big

lớn

beautiful

xinh đẹp

young

trẻ

old
not young

già

white

màu trắng

black

màu đen

red

màu đỏ

blue

màu xanh da trời

green

màu xanh lá cây

yellow

màu vàng

slow

chậm

quick

nhanh

funny

vui vẻ

unfair

không công bằng

fair

công bằng

difficult

khó

easy

dễ

rich

giàu

poor

nghèo

strong

khỏe

weak

yếu

safe
adjective

an toàn

tired

mệt mỏi

proud

tự hào

full
from eating

no bụng

sick

bệnh

healthy

khỏe mạnh

angry

tức giận

low

thấp

high

cao

sweet

ngọt

sour

chua

soft

mềm

hard

cứng

cute

đáng yêu

stupid

ngu ngốc

crazy

điên khùng

busy

bận rộn

tall

cao

short
height

thấp

worried

lo lắng

surprised

ngạc nhiên

well-behaved

cư xử tốt

evil

ác độc

clever

khéo léo

cold
adjective

lạnh

hot
temperature

nóng

orange
colour

màu cam

grey

màu xám

brown

màu nâu

pink

màu hồng

boring

nhàm chán

heavy

nặng

light
weight

nhẹ

lonely

cô đơn

hungry

đói bụng

thirsty

khát nước

sad

buồn

steep

dốc

flat

bằng phẳng

narrow

hẹp

broad

rộng

deep

sâu

shallow

nông

huge

lớn

dirty

bẩn

clean

sạch sẽ

full
not empty

đầy

empty

trống rỗng

expensive

đắt

cheap

rẻ

sexy

quyến rũ

lazy

lười biếng

brave

dũng cảm

generous

hào phóng

wet

ướt

dry

khô

loud

ồn ào

quiet

yên tĩnh

sunny

nắng

rainy

nhiều mưa

foggy

sương mù

cloudy

nhiều mây

Thể thao

gymnastics

thể dục dụng cụ

tennis

quần vợt

running

chạy

cycling

đạp xe

golf

đánh golf

football

bóng đá

basketball

bóng rổ

swimming

bơi lội

diving

under the water

lặn

hiking

đi bộ đường dài

marathon

chạy marathon

triathlon

ba môn phối hợp

table tennis

bóng bàn

weightlifting

cử tạ

boxing

quyền anh

badminton

cầu lông

figure skating

trượt băng nghệ thuật

snowboarding

trượt ván tuyết

skiing

trượt tuyết

cross-country skiing

trượt tuyết băng đồng

ice hockey

khúc côn cầu trên băng

volleyball

bóng chuyền

handball

bóng ném

beach volleyball

bóng chuyền bãi biển

rugby

bóng rugby

cricket

bóng gậy

baseball

bóng chày

American football

bóng bầu dục Mỹ

water polo

bóng nước

diving
into the water

nhảy cầu

surfing

lướt sóng

sailing

đua thuyền buồm

rowing

chèo thuyền

yoga

yoga

dancing

khiêu vũ

parachuting

nhảy dù

chess

poker

bowling

cờ vua

đánh bài poker

bowling

ballet

múa ba lê

Động vật

pig

con lợn

cow

con bò

horse

con ngựa

dog

con chó

sheep

con cừu

monkey

con khỉ

cat

con mèo

bear

con gấu

chicken
animal

con gà

duck

con vịt

butterfly

con bướm

bee

con ong

fish
animal

con cá

spider

con nhện

snake

con rắn

tiger

con hổ

mouse
animal

con chuột

rabbit

con thỏ

lion

con sư tử

donkey

con lừa

elephant

con voi

pigeon

con chim bồ câu

bug

con bọ

mosquito

con muỗi

fly

con ruồi

ant

con kiến

whale

con cá voi

shark

con cá mập

dolphin

con cá heo

snail

con ốc sên

frog

con ếch

panda

con gấu trúc

polar bear

con gấu Bắc cực

wolf

con chó sói

koala

con gấu túi

kangaroo

con chuột túi

giraffe

con hươu cao cổ

fox

con cáo

hippo

con hà mã

bat

con dơi

raven

con quạ

swan

con thiên nga

seagull

con chim hải âu

owl

con cú

penguin

con chim cánh cụt

parrot

con vẹt

caterpillar

con sâu bướm

dragonfly

con chuồn chuồn

squid

con mực ống

octopus

con bạch tuộc

sea horse

con cá ngựa

seal

con hải cẩu

jellyfish

con sứa

crab

con cua

dinosaur

con khủng long

tortoise

con rùa cạn

crocodile

con cá sấu

Quốc gia

Europe

Châu Âu

Asia

Châu Á

America

Châu Mỹ

Africa

Châu Phi

United Kingdom

Vương quốc Anh

Spain

Tây Ban Nha

Switzerland

Thụy sĩ

Italy

Ý

France

Pháp

Germany

Đức

Thailand

Thái Lan

Singapore

Singapore

Russia

Japan

Israel

Nga

Nhật Bản

Israel

India

China

The United States of America

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

South Africa

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Morocco

Libya

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Egypt

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Australia

New Zealand

Úc

Cơ thể

head

đầu

nose

mũi

hair

tóc

mouth

miệng

ear

tai

eye

mắt

hand

bàn tay

foot

bàn chân

heart

tim

brain

não

neck

cổ

bottom

mông

shoulder

vai

knee

đầu gối

leg

chân

arm

tay

belly

bụng

bosom

ngực

back
part of body

lưng

tooth

răng

tongue

lưỡi

lip

môi

finger

ngón tay

toe

ngón chân

stomach

dạ dày

lung

phổi

liver

gan

nerve

dây thần kinh

kidney

thận

intestine

ruột

forehead

trán

chin

cằm

cheek

má

beard

râu

thumb

ngón cái

little finger

ngón tay út

ring finger

ngón tay đeo nhẫn

middle finger

ngón tay giữa

index finger

ngón tay trỏ

finger nail

móng tay

heel

gót chân

spine

xương sống

muscle

cơ bắp

bone
part of body

xương

skeleton

bộ xương

rib

xương sườn

vertebra

đốt sống

bladder

bàng quang

vein

tĩnh mạch

artery

động mạch

vagina

âm đạo

sperm

tinh trùng

penis

dương vật

testicle

tinh hoàn

Ngôi nhà

door

cửa

kitchen

nhà bếp

bathroom

phòng tắm

living room

phòng khách

bedroom

phòng ngủ

garden

vườn

garage

gara

wall

tường

basement

tầng hầm

toilet
at home

nhà vệ sinh

stairs

cầu thang

roof

mái nhà

window
building

cửa sổ

knife

dao

cup
for hot drinks

tách

glass

ly

plate

đĩa

cup
for cold drinks

cốc

garbage bin

thùng rác

bowl

tô

desk

bàn

bed

giường

mirror

gương

shower

vòi hoa sen

sofa

ghế sofa

picture

ảnh

clock

đồng hồ

table

bàn

chair

ghế

neighbour

hàng xóm

elevator

thang máy

balcony

ban công

attic

gác xép

chimney

ống khói

wooden spoon

muỗng gỗ

chopstick

đũa

cutlery

bộ dao nĩa

spoon

muỗng

fork

nĩa

ladle

cái vá

pot

nồi

pan

chảo

light bulb

bóng đèn

bookshelf

giá sách

curtain

rèm

mattress

nệm

pillow

gối

blanket

chăn

shelf

kệ

drawer

ngăn kéo

wardrobe

tủ quần áo

bucket

xô

broom

chổi

scale

cái cân

laundry basket

giỏ đựng đồ giặt

bathtub

bồn tắm

bath towel

khăn tắm

soap

xà phòng

toilet paper

giấy vệ sinh

towel

khăn tắm

basin

bồn rửa mặt

ladder

cái thang

mailbox
for letters

hộp thư

fence

hàng rào

Thức ăn

egg

trứng

cheese

phô mai

milk

sữa

fish
to eat

cá

meat

thịt

bone
food

xương

oil

dầu

bread

bánh mì

sugar

đường

chocolate

sô cô la

candy

kẹo

cake

bánh bông lan

water

nước

coffee

cà phê

tea

trà

beer

bia

wine

rượu nho

salad

sa lát

soup

súp

dessert

món tráng miệng

breakfast

bữa ăn sáng

lunch

bữa trưa

dinner

bữa tối

pizza

pizza

ice cream

kem

butter

bơ

yoghurt

sữa chua

tuna

cá ngừ

salmon

cá hồi

ham

giăm bông

bacon

thịt ba rọi

sausage

xúc xích

turkey

thịt gà tây

chicken
meat

thịt gà

beef

thịt bò

pork

thịt heo

lamb

thịt cừu

pumpkin

bí ngô

mushroom

nấm

truffle

nấm cộc

garlic

tỏi

leek

tỏi tây

ginger

gừng

aubergine

cà tím

sweet potato

khoai lang

carrot

cà rốt

cucumber

dưa chuột

chili

ớt

pepper
vegetable

ớt chuông

onion

củ hành

potato

khoai tây

cauliflower

bông cải trắng

cabbage

bắp cải

broccoli

bông cải xanh

lettuce

xà lách

spinach

rau chân vịt

bamboo
food

tre

corn

ngô

celery

cần tây

pea

đậu Hà Lan

bean

hạt đậu

pear

quả lê

apple

quả táo

olive

quả ô liu

fig

quả sung

date

food

quả chà là

coconut

quả dừa

almond

quả hạnh nhân

hazelnut

hạt phỉ

peanut

đậu phộng

banana

quả chuối

mango

quả xoài

kiwi

quả kiwi

avocado

quả bơ

pineapple

quả dứa

water melon

dưa hấu

grape

quả nho

sugar melon

dưa gang

raspberry

quả mâm xôi

blueberry

quả việt quất

strawberry

quả dâu tây

cherry

quả anh đào

plum

quả mận

apricot

quả mơ

peach

quả đào

lemon

quả chanh

grapefruit

quả bưởi

orange
food

quả cam

tomato

cà chua

mint

bạc hà

lemongrass

sả

cinnamon

quế

vanilla

vani

salt

muối

pepper
spice

tiêu

curry

cà ri

tobacco

thuốc lá

tofu

đậu hũ

vinegar

giấm

noodle

mì sợi

soy milk

sữa đậu nành

flour

bột mì

rice

gạo

oat

yến mạch

wheat

lúa mì

soy

đậu nành

nut

hạt

honey

mật ong

jam

chewing gum

pancake

mứt

kẹo cao su

bánh kếp

cookie

pudding

muffin

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

doughnut

energy drink

orange juice

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

apple juice

milkshake

coke

nước táo

sữa lắc

coca cola

hot chocolate

sô cô la nóng

cocktail

rượu cocktail

rum

rượu rum

whiskey

rượu whisky

vodka

rượu vodka

menu

thực đơn

seafood

hải sản

spaghetti

mì Ý

sushi

sushi

popcorn

bắp rang bơ

chips

khoai tây lát mỏng

chicken wings

cánh gà

French fries

khoai tây chiên

mustard

mù tạt

mayonnaise

sốt mayonnaise

tomato sauce

nước sốt cà chua

sandwich

bánh mì kẹp

hot dog

bánh mì kẹp xúc xích

burger

bánh burger

Trường học

book

sách

library

thư viện

homework

bài tập về nhà

exam

bài thi

lesson

bài học

science

khoa học

history

lịch sử

art

nghệ thuật

pen

cây bút

pencil

bút chì

first

thứ nhất

second

2nd

thứ hai

third

thứ ba

fourth

thứ tư

research

nghiên cứu

degree

bằng cấp

sports ground

sân thể thao

dictionary

từ điển

term

học kì

notebook

sổ tay

geometry

hình học

politics

chính trị học

philosophy

triết học

economics

kinh tế học

physical education

giáo dục thể chất

biology

sinh học

mathematics

toán học

geography

địa lý

literature

văn học

chemistry

hóa học

physics

vật lý

ruler

cái thước

rubber

cục tẩy

scissors

cái kéo

adhesive tape

băng dính

glue

keo dán

ball pen

bút bi

paperclip

kẹp giấy

three percent

3%

one hundred percent

100%

zero percent

0%

cubic meter

mét khối

square meter

mét vuông

mile

dặm

meter

mét

millimeter

mi-li-mét

centimeter

xen-ti-mét

decimeter

đề-xi-mét

addition

phép cộng

subtraction

phép trừ

multiplication

phép nhân

division

phép chia

area

diện tích

volume

thể tích

rectangle

hình chữ nhật

square
shape

hình vuông

triangle

tam giác

circle

hình tròn

liter

lít

milliliter

mililít

ton

kilogram

gram

tấn

kilôgam

gram

magnet

microscope

funnel

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

laboratory

lecture

phòng thí nghiệm

bài giảng

Thiên nhiên

ash

tro

fire
general

lửa

diamond

kim cương

moon

mặt trăng

sun

mặt trời

star

ngôi sao

planet

hành tinh

coast

bờ biển

lake

hồ

forest

rừng

desert
dry place

sa mạc

hill

đồi núi

rock
stone

đá

river

con sông

valley

thung lũng

mountain

núi

island

đảo

ocean

đại dương

sea

biển

ice

băng

snow

tuyết

storm

bão táp

rain

mưa

wind

gió

tree

cây

grass

cỏ

rose

hoa hồng

flower

hoa

metal

kim loại

soil

đất

lava

dung nham

coal

than

sand

cát

clay

đất sét

rocket

tên lửa

satellite

vệ tinh

galaxy

thiên hà

asteroid

tiểu hành tinh

continent

lục địa

equator

đường Xích đạo

South Pole

Nam cực

North Pole

Bắc cực

stream

suối

rainforest

rừng nhiệt đới

cave

hang

waterfall

thác nước

shore

bờ biển

glacier

sông băng

earthquake

động đất

crater

miệng núi lửa

volcano

núi lửa

atmosphere

khí quyển

flood

lũ lụt

fog

sương mù

rainbow

cầu vồng

thunder

tiếng sấm

lightning

tia chớp

thunderstorm

cơn dông

temperature

nhệt độ

typhoon

bão nhiệt đới

hurricane

bão

cloud

mây

branch

cành cây

leaf

lá cây

root

rễ cây

trunk

thân cây

seed

hạt giống

plastic

nhựa

carbon dioxide

cacbon điôxít

atom

nguyên tử

iron

sắt

oxygen

ôxy

gold

silver

vàng

bạc

Giao thông

car

xe hơi

bus

xe buýt

train

xe lửa

train station

ga xe lửa

bus stop

trạm dừng xe buýt

plane

máy bay

ship

tàu

lorry

xe tải

bicycle

xe đạp

motorcycle

xe mô tô

taxi

xe taxi

traffic light

đèn giao thông

car park

bãi đậu xe

road

đường

battery

ắc quy

motor

động cơ

airbag

túi khí

steering wheel

vô-lăng

seatbelt

dây an toàn

tyre

lốp xe

rear trunk

cốp sau

ticket vending machine

máy bán vé

ticket office

phòng bán vé

subway

tàu điện ngầm

high-speed train

tàu cao tốc

locomotive

đầu máy

tram

xe điện

school bus

xe buýt trường học

minibus

xe buýt nhỏ

airport

sân bay

airline

hãng hàng không

helicopter

máy bay trực thăng

first class

hạng nhất

economy class

hạng phổ thông

business class

hạng thương gia

life jacket

áo phao

container

công ten nơ

submarine

tàu ngầm

cruise ship

tàu du lịch

container ship

tàu chở hàng

yacht

du thuyền

ferry

phà

harbour

hải cảng

lifeboat

xuồng cứu sinh

radar

ra đa

street light

đèn đường

pavement

vỉa hè

petrol station

trạm xăng

construction site

công trường

pedestrian crossing

vạch qua đường

traffic jam

tắc đường

motorway

đường cao tốc

tank

xe tăng

excavator

máy xúc

tractor

máy kéo

trailer

rơ-moóc

motor scooter

xe tay ga

cable car

xe cáp treo

Thành phố

hospital

bệnh viện

school

trường học

house

nhà ở

bill

hóa đơn

market

chợ

supermarket

siêu thị

apartment

căn hộ

university

trường đại học

farm

nông trại

church

nhà thờ

restaurant

nhà hàng

bar

quán bar

gym

phòng thể dục

park

công viên

toilet
public

nhà vệ sinh

map

bản đồ

ambulance

xe cứu thương

police

cảnh sát

firefighters

lính cứu hỏa

country

quốc gia

suburb

ngoại ô

village

ngôi làng

warranty

bảo hành

shopping mall

trung tâm mua sắm

pharmacy

tiệm thuốc

skyscraper

tòa nhà chọc trời

castle

lâu đài

embassy

đại sứ quán

synagogue

giáo đường Do Thái

temple

ngôi đền

factory

nhà máy

mosque

nhà thờ Hồi giáo

town hall

tòa thị chính

post office

bưu điện

fountain

đài phun nước

night club

câu lạc bộ đêm

bench

golf course

football stadium

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

swimming pool
building

tennis court

tourist information

hồ bơi

sân quần vợt

thông tin du lịch

casino

art gallery

museum

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

national park

souvenir

aquarium

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

water slide

trượt nước

roller coaster

tàu lượn siêu tốc

water park

công viên nước

zoo

vườn bách thú

playground

sân chơi

emergency exit
in building

cửa thoát hiểm

fire alarm

chuông báo cháy

fire extinguisher

bình cứu hỏa

police station

đồn cảnh sát

state

tiểu bang

region

khu vực

capital

thủ đô

Bệnh viện

accident

tai nạn

patient

bệnh nhân

surgery

phẫu thuật

pill

viên thuốc

fever

sốt

cough

ho

emergency room

phòng cấp cứu

intensive care unit

khoa hồi sức tích cực

waiting room

phòng chờ

aspirin

thuốc aspirin

sleeping pill

thuốc ngủ

expiry date

ngày hết hạn

dosage

liều lượng

cough syrup

si-rô ho

side effect

tác dụng phụ

insulin

insulin

powder

bột

capsule

viên nhộng

vitamin

vitamin

painkiller

thuốc giảm đau

antibiotics

kháng sinh

bacterium

vi khuẩn

virus

vi rút

heart attack

đau tim

diarrhea

tiêu chảy

diabetes

tiểu đường

stroke

đột quỵ

asthma

hen suyễn

cancer

ung thư

flu

cúm

toothache

đau răng

sunburn

cháy nắng

sore throat

viêm họng

stomach ache

đau bụng

infection

nhiễm trùng

allergy

dị ứng

cramp

chột rút

headache

đau đầu

syringe
tool

ống tiêm

crutch

nạng

X-ray photograph

chụp X quang

ultrasound machine

máy siêu âm

plaster

bó bột

wheelchair

xe lăn

cast

bó bột

pulse

mạch

injury

chấn thương

emergency

cấp cứu

concussion

chấn động

burn

vết bỏng

fracture

gãy xương

birth control pill

thuốc tránh thai

pregnancy test

thử thai

Nghề nghiệp

doctor

bác sĩ

nurse

y tá

policeman

cảnh sát

president
of a state

tổng thống

captain

thuyền trưởng

detective

thám tử

pilot

phi công

professor

giáo sư

teacher

giáo viên

lawyer

luật sư

secretary

thư ký

assistant

trợ lý

judge

thẩm phán

manager

quản lý

cook

đầu bếp

taxi driver

tài xế taxi

bus driver

tài xế xe buýt

model

người mẫu

artist

nghệ sĩ

prime minister

thủ tướng

pharmacist

độc sĩ

firefighter

lính cứu hỏa

dentist

nha sĩ

entrepreneur

doanh nhân

politician

chính trị gia

programmer

lập trình viên

stewardess

tiếp viên hàng không

scientist

nhà khoa học

kindergarten teacher

giáo viên mầm non

architect

kiến trúc sư

accountant

kế toán viên

consultant

tư vấn viên

prosecutor

công tố viên

general manager

tổng quản lý

bodyguard

vệ sĩ

landlord

chủ nhà

waiter

bồi bàn

security guard

nhân viên bảo vệ

soldier

bộ đội

fisherman

ngư dân

cleaner

nhân viên vệ sinh

plumber

thợ sửa ống nước

electrician

thợ điện

farmer

nông dân

receptionist

lễ tân

postman

người đưa thư

cashier

thu ngân

hairdresser

thợ làm tóc

author

tác giả

journalist

nhà báo

photographer

nhiếp ảnh gia

lifeguard

nhân viên cứu hộ

singer

ca sĩ

musician

nhạc sĩ

actor

diễn viên

reporter

phóng viên

coach
sport

huấn luyện viên

referee

trọng tài

Kinh doanh

money

tiền

office

văn phòng

stress

áp lực

insurance

bảo hiểm

staff

nhân viên

department

bộ phận

salary

lương

address

địa chỉ

letter
post

lá thư

telephone number

số điện thoại

url

url

e-mail address

địa chỉ email

website

trang mạng

e-mail

thư điện tử

signature

chữ ký

loss

thua lỗ

profit

lợi nhuận

customer

khách hàng

amount

số tiền

credit card

thẻ tín dụng

password

mật khẩu

cash machine

máy rút tiền

tax

thuế

meeting room

phòng họp

business card

đanh thiếp

IT

công nghệ thông tin

human resources

nhân sự

legal department

bộ phận pháp lý

accounting

kế toán

marketing

tiếp thị

sales

bán hàng

colleague

đồng nghiệp

employer

người sử dụng lao động

employee

nhân viên

note
information

chú thích

presentation

thuyết trình

folder
physical

bìa cứng

rubber stamp

con dấu cao su

projector

máy chiếu

parcel

bưu kiện

stamp

con tem

envelope

phong bì

browser

trình duyệt

investment

đầu tư

stock exchange

sàn giao dịch chứng khoán

note
money

tiền giấy

coin

tiền xu

interest

tiền lãi

loan

account number

bank account

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

Thiết bị

telephone

điện thoại

TV set

bộ tivi

camera

máy ảnh

radio

đài radio

fan

quạt

air conditioner

máy điều hòa

coffee machine

máy pha cà phê

toaster

máy nướng bánh mì

vacuum cleaner

máy hút bụi

hairdryer

máy sấy tóc

kettle

ấm đun nước

dishwasher

máy rửa chén

cooker

bếp điện

oven

lò nướng

microwave

lò vi sóng

fridge

tủ lạnh

washing machine

máy giặt

remote control

điều khiển từ xa

earphone

tai nghe

mouse
computer

chuột

keyboard
computer

bàn phím

hard drive

ổ cứng

USB stick

thanh USB

scanner

máy quét

printer

máy in

screen
computer

màn hình

laptop

máy tính xách tay

robot

rô bốt

loudspeaker

loa

